

Số: 297/2026/QĐST-HNGĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 419/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Chung Ngọc H, sinh năm 1982; số CCCD: 079082033542; địa chỉ: D, B, Khu phố B, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Bà Phan Thị D, sinh năm 1982; số CCCD: 038182021630; địa chỉ: Nhà trọ Bùi Đức T, thửa đất số 152, tờ bản đồ số 6, đường D, Tổ B, Khu phố H, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Chung Ngọc H và bà Phan Thị D tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01/2007. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông Chung Ngọc H và bà Phan Thị D là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông Chung Ngọc H và bà Phan Thị D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Vì hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông Chung Ngọc H và bà Phan Thị D có 02 người con chung là cháu Chung Ngọc Minh C, sinh ngày 13/7/2002 và cháu Chung Hoàng B, sinh ngày 07/02/2008. Do 02 con chung đã trên 18 tuổi, đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu toà án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Chung Ngọc H và bà Phan Thị D không có tranh chấp, không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu phải chịu theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 18/5/2026), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Chung Ngọc H và bà Phan Thị D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Chung Ngọc H và bà Phan Thị D có 02 người con chung là cháu Chung Ngọc Minh C, sinh ngày 13/7/2002 và cháu Chung Hoàng B, sinh ngày 07/02/2008. Do 02 con chung đã trên 18 tuổi, đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Chung Ngọc H và bà Phan Thị D không có yêu cầu, không tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Ông Chung Ngọc H và bà Phan Thị D mỗi người phải chịu số tiền là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, tổng cộng số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027423 ngày 05/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15, Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Suối Kiết, Lâm Đồng;
- Công an phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Khương Minh Trí